TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Ông Lê Văn Lài.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 702/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu B, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: tổ A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu B trình bày: Chị và anh A tự nguyện chung sống năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 23/3/2012. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, về kinh tế gia đình, không phụ chị chăm sóc con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm đến nhau, từ đó hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/4/2011; Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25/8/2013; Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/12/2014 hiện nay đang chung sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh Nguyễn Trường A đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh A không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản ý kiến trình bày về vụ kiện.*

Tại phiên tòa chị B, anh A đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu B.

Chị Võ Thị Thu B được ly hôn với anh Nguyễn Trường A. Con chung, giao Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/4/2011; Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25/8/2013; Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/12/2014 cho chị Võ Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị Thu B khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với anh Nguyễn Trường A tại xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Võ Thị Thu B có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trường A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B, anh A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Đến năm 2023 chị B và anh A xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thường xuyên xảy ra cự cãi do đồng quan điểm sống, anh A không chăm sóc con chung, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của chị B. Điều này cho thấy anh A không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị B hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị B và anh A không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị B đối với anh A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Chị B và anh A có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/4/2011; Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25/8/2013; Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/12/2014. Cháu T, cháu T1 và cháu Q đều có nguyện vọng sống chung với chị B phù hợp với yêu cầu của chị B. Do vậy cần giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/4/2011; Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25/8/2013; Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/12/2014 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Ba K yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ba không yêu cầu giải quyết; mặt khác anh A không có văn bản trình bày ý kiến đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ba phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu B về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với anh Nguyễn Trường A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu B được ly hôn với anh Nguyễn Trường A.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 17/4/2011; Nguyễn Thái T1, sinh ngày 25/8/2013; Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/12/2014 cho chị Võ Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận chị Ba K yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi các con chung. Sau ly hôn, anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu Ba P chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010080 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị B đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- UBND xã T, H. C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên